

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ Đại học  
ngành Luật - Mã ngành 7380101

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH**

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 31/07/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học tư thục Công nghệ - Thông tin Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2016 về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 20/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học tư thục Công nghệ - Thông tin Gia Định thành Trường Đại học Gia Định;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 186/2023/GDU/QĐ-HT ngày 29/9/2023 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 1727/2023/GDU/QĐ-HT ngày 5/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về việc Ban hành quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định, ban hành chuẩn đầu ra và CTĐT trình độ đại học tại Trường Đại học Gia Định;

Căn cứ Biên bản họp số 41/2024/BB-GDU ngày 11/06/2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Gia Định;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý khoa học và Trưởng khoa KhoaKHXH-NN.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Luật - Mã ngành 7380101”.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý khoa học, Trưởng các Khoa, Bộ môn; Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT&QLKH.

KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHO HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
GIA ĐỊNH  
Nguyễn Văn Hiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH: LUẬT**

**Khóa/năm tuyển sinh: 2024**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 669/2024/QĐ-GDU ngày 26 tháng 06 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia định)*

**Tp. Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2024**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: LUẬT**

**Khóa/năm tuyển sinh: 2024**

**I. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

1.1	Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt)	Luật
	Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh)	Law
1.2	Mã ngành đào tạo	7380101
1.3	Hình thức đào tạo	Chính quy
1.4	Thời gian đào tạo	8 học kỳ
1.5	Đối tượng tuyển sinh	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.
1.6	Số tín chỉ người học phải tích lũy	120
1.7	CTĐT được tham chiếu đối sánh khi xây dựng chương trình đào tạo	Trường ĐH Luật Hà Nội Trường ĐH Luật TP.HCM Trường ĐH Vinh UCLA School of Law (The University of California, Los Angeles School of Law) The University of Buckingham University of Buffalo
1.8	Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	Đã kiểm định CTĐT theo Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngày 10/10/2023 của Trung tâm Kiểm định chất lượng Giáo dục Thăng Long.
1.9	Khoa quản lý CTĐT	Khoa học xã hội – Ngôn ngữ

**II. Triết lý giáo dục, Tầm nhìn và Sứ mệnh**

**2.1. Sứ mệnh**

*Đào tạo công dân số - Kiến tạo tương lai*

**2.2. Tầm nhìn**

*Trở thành đại học dẫn đầu về chuyển đổi số*

**2.3. Triết lý giáo dục**

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Gia Định: *"Chọn lọc - Ứng dụng – Đại chúng"*.



### III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

#### 3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

Mục tiêu	Mô tả
<b>Mục tiêu về Kiến thức</b>	
PO1	Trang bị cho người học các kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, tự nhiên, xã hội, giáo dục và đáp ứng được các yêu cầu của cử nhân Luật trong thời đại số.
PO2	Rèn luyện cho người học năng lực nghiên cứu, đánh giá, tham vấn và có kiến thức chuyên môn ngành Luật, kiến thức thực tiễn pháp luật, kiến thức số vững chắc.
<b>Mục tiêu về Kỹ năng</b>	
PO3	Đào tạo các kĩ năng mềm, tin học, ngoại ngữ, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc số; có khả năng lực nhận định, phân tích, lập luận và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thời đại số.
PO4	Có kỹ năng số, có khả năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, vận dụng pháp luật; Có khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả trong công việc và cuộc sống.
<b>Mục tiêu về Mức tự chủ và trách nhiệm</b>	
PO5	Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật, đáp ứng được yêu cầu công việc, yêu cầu của môi trường số, có ý thức và trách nhiệm đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.
PO6	Có phong cách làm việc, hành xử chuyên nghiệp và có khả năng rèn luyện, nghiên cứu và học tập suốt đời trong thời đại số.

#### 3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mô tả	Mức độ đạt được theo thang đo Bloom
<b>Kiến thức</b>		
PLO1	Vận dụng được kiến thức về chuyển đổi số, về chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học, môi trường, pháp lý và đạo đức để có tác động tích cực đến cá nhân, tổ chức và xã hội.	3
PLO2	Phân tích kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực pháp luật.	3
PLO3	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành để nhận định, phân tích, lập luận và giải quyết các vấn đề pháp lý.	3
PLO4	Vận dụng kiến thức chuyên sâu để giải quyết công việc một cách hiệu quả và sáng tạo trong quan hệ pháp luật kinh doanh, thương mại quốc tế trong thời đại số.	3
<b>Kỹ năng</b>		

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mô tả	Mức độ đạt được theo thang đo Bloom
PLO5	Sử dụng thành thạo CNTT, ứng dụng chuyển đổi số và Tiếng Anh trong công việc và giao tiếp trong môi trường pháp lý toàn cầu, đa văn hóa.	3
PLO6	Thiết lập được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.	4
PLO7	Vận dụng kỹ năng số, kỹ năng lập luận, tư duy đa chiều để giải quyết vấn đề hiệu quả liên quan đến chuyên môn ngành Luật.	4
PLO8	Phát triển khả năng sáng tạo, tiếp nhận, thích nghi sự thay đổi chuyển đổi số trong ngành Luật nói riêng và các quan hệ xã hội khác nói chung.	4
PLO9	Đánh giá kỹ năng thích ứng linh hoạt trong môi trường quốc tế, môi trường công nghệ số và những trải nghiệm thực tế tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ngành Luật để thực hiện có hiệu quả ở bất cứ vị trí nào trong lĩnh vực chuyên môn ngành Luật.	5
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
PLO10	Có ý thức cao về giá trị đạo đức và khuôn khổ pháp luật trong tư duy tự do học thuật và làm việc theo định hướng công dân số.	3
PLO11	Thể hiện tư duy cầu tiến trong nghề nghiệp, ý thức về nhu cầu học tập suốt đời; và tính kiên tâm để theo đuổi mục tiêu của cá nhân và tổ chức.	3
PLO12	Thể hiện được ý thức trách nhiệm của công dân trong thời đại số, trách nhiệm với cộng đồng.	3

### 3.3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.	Trang bị cho người học các kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, tự nhiên, xã hội, giáo dục và đáp ứng được các yêu cầu của cử nhân Luật trong thời đại số.	x	x			x	x	x					
2.	Rèn luyện cho người học năng lực nghiên			x	x		x	x	x	x	x	x	x

TT	Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	cứu, đánh giá, tham vấn và có kiến thức chuyên môn ngành Luật, kiến thức thực tiễn pháp luật, kiến thức số vững chắc.												
3.	Đào tạo các kĩ năng mềm, tin học, ngoại ngữ, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc số; có khả năng lực nhận định, phân tích, lập luận và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thời đại số.					X	X	X	X	X	X	X	X
4.	Có kỹ năng số, có khả năng tư duy sáng tạo, tư duy phân biện, vận dụng pháp luật; Có khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả trong công việc và cuộc sống.					X	X	X	X	X	X	X	X
5.	Trang bị cho người học phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng, phát triển bản thân, có sức khỏe, tôn trọng pháp luật, đáp ứng được yêu cầu công việc, yêu cầu của môi trường số, có ý thức và trách nhiệm đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.	X	X						X	X	X	X	X



TT	Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
6.	Có phong cách làm việc, hành xử chuyên nghiệp và có khả năng rèn luyện, nghiên cứu và học tập suốt đời trong thời đại số.	x	x							x	x	x	x	x	x

### 3.4. Vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

#### 3.4.1 Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Chuyên viên về pháp luật trong lĩnh vực được đào tạo (tại các cơ quan pháp luật, cơ quan tư pháp ở trung ương, các cơ quan nhà nước khác ở trung ương, các cơ quan pháp luật, tư pháp ở địa phương, các cơ quan chính quyền địa phương, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tập đoàn, doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tín dụng, các văn phòng, công ty trong lĩnh vực pháp luật);

Thư ký, trợ lý pháp luật trong các tổ chức, doanh nghiệp;

Thư ký tòa án;

Nghiên cứu viên về pháp luật; biên tập viên về pháp luật;

Giáo viên giảng dạy giáo dục công dân tại các trường trung học phổ thông (nếu có những văn bằng, chứng chỉ đáp ứng yêu cầu của giáo viên theo quy định);

Công chức tư pháp - hộ tịch/công chức tư pháp;

Tư vấn viên pháp luật; Trợ giúp viên pháp lý;

Hòa giải viên;

Các nghề nghiệp khác.

#### 3.4.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên có khả năng tự học hoặc có thể học tiếp tục ở các bậc học có trình độ cao hơn (Thạc sỹ, Tiến sỹ...) tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài, tham gia học tập kỹ năng và kiến thức hành nghề Luật tại các Học viện, các chương trình đào tạo hành nghề Luật (Đào tạo nghề Luật sư, Đào tạo nghề công chứng...) để trở thành Luật sư, Công chứng viên, Thừa phát lại, Hòa giải viên, Trọng tài thương mại, Quản tài viên... hoặc tích lũy, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm tại nơi công tác để được bổ nhiệm là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên..... phục vụ cho nhu cầu cập nhật kiến thức và đáp ứng yêu cầu công việc, nhu cầu xã hội.

### 3.5. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi:

- Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định bởi Quy chế đào tạo đại hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Gia Định
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh;
- Có kết quả đạt môn Giáo dục thể chất;
- Có đơn đề nghị xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp trước hạn hoặc trễ hạn so với thời gian thiết kế của khóa học.
- Đáp ứng điều kiện về ngoại ngữ, tin học theo quy định của Trường Đại học Gia Định.

#### IV. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Tổng số TC	Số TC bắt buộc và tự chọn	
			Bắt buộc	Tự chọn
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương	44	41	3
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	76		
1.	Kiến thức cơ sở ngành	22	18	4
2.	Kiến thức ngành	44	32	12
3.	Thực tập tốt nghiệp	10	10	
	<b>Tổng số</b>	<b>120</b>		

##### 4.2. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

###### Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
<b>I. Khối kiến thức giáo dục đại cương (44 TC)</b>								
<b>1.1. Lý luận chính trị</b>			<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>			
1.	00112001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		BB		00112006
2.	00112006	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	2		BB		00113018
3.	00112021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		BB		00112001



TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
4.	00113018	Triết học Mác-Lênin	3	3		BB		
5.	00112008	Lịch sử Đảng CSVN	2	2		BB	00112021	
<b>1.2. Khoa học xã hội</b>			<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>			
6.	12113025	Lý luận NN và PL	3	3		BB		
<b>1.3. Giáo dục thể chất (không tích lũy)</b>			<b>3</b>		<b>3</b>			
7.	00113005	Giáo dục thể chất	3		3	BB		
<b>1.4. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)</b>			<b>8</b>		<b>8</b>			
8.	00118004	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8		8	BB		
<b>1.5. Ngoại ngữ - Tin học (không chuyên)</b>			<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>			
9.	00113014	Tiếng Anh 1	3	2	1	BB		
10.	00113015	Tiếng Anh 2	3	2	1	BB	00113014	
11.	00113016	Tiếng Anh 3	3	2	1	BB	00113015	
12.	00113021	Tiếng Anh 4	3	2	1	BB	00113016	
13.	00113022	Tiếng Anh 5	3	2	1	BB	00113021	
14.	00113023	Khoa học máy tính và chuyển đổi số	3	2	1	BB		
<b>1.6 Kiến thức đại cương theo khối ngành (kiến thức cơ bản của khối ngành)</b>			<b>12</b>	<b>11</b>	<b>1</b>			
15.	00113002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3		BB		
16.	00113007	Kỹ năng mềm	3	2	1	BB		
17.	22113001	Xã hội học	3	3		BB		
18.	12113041	Tâm lý học đại cương	3	3		BB		
<b>II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (76 TC)</b>			<b>76</b>					
<b>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>22</b>	<b>15</b>	<b>7</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>18</b>	<b>13</b>	<b>5</b>			
19.	12113022	Luật học so sánh	2	2		BB		
20.	12113032	Pháp luật tổ chức nhà nước	4	3	1	BB		
21.	12113034	Pháp luật về quản lý hành chính nhà nước	4	3	1	BB	12113025	
22.	12113031	Pháp luật Quốc tế (Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế)	3	2	1	BB	12113029	
23.	12113010	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3	2	1	BB		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
24.	00113012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	BB		
<b>Học phần tự chọn (chọn Học kỳ doanh nghiệp 1 hoặc 2/4 Học phần tự chọn)</b>			<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>			
25.	12114001	Học kỳ doanh nghiệp 1 (Trải nghiệm thực tế và thực hành môn học)	4		4	TC		
26.	12112004	Xây dựng văn bản pháp luật	2	1	1	TC		
27.	12113005	Đạo đức nghề Luật	2	1	1	TC		
28.	12112006	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	2	1	1	TC		
29.	12112007	Hướng nghiệp nghề Luật	2	1	1	TC		
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>26</b>	<b>17</b>	<b>9</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>20</b>	<b>13</b>	<b>7</b>			
30.	12112028	Pháp luật dân sự 1	2	1	1	BB		
31.	12113029	Pháp luật dân sự 2	3	2	1	BB		12113028
32.	12113021	Luật Hình sự	3	2	1	BB		
33.	12113002	Tư pháp tụng	3	2	1	BB		12113028
34.	12113999	Công pháp tụng	3	2	1	BB		12113021
35.	12113012	Kỹ năng tư vấn thủ tục thành lập và quản trị doanh nghiệp	3	2	1	BB		12113028
36.	12113001	Anh văn chuyên ngành Luật	3	2	1	BB		
<b>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)</b>			<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>			
37.	05113060	Luật lao động	3	2	1	TC		
38.	12113018	Luật Đất đai trong hoạt động kinh doanh	3	2	1	TC		
39.	12113015	Luật an toàn thông tin mạng	3	2	1	TC		
40.	12113024	Luật Tài chính	3	2	1	TC		
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành/ngành nâng cao (đối với các ngành không có chuyên ngành)</b>			<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>			
<b>2.3.1. Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành Luật Kinh doanh (18 TC)</b>			<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>12</b>	<b>8</b>	<b>4</b>			
41.	121135 00	Luật Kinh doanh bảo hiểm	3	2	1	BB		
42.	12113016	Luật Cạnh tranh	3	2	1	BB		
43.	12113019	Luật Đầu tư	3	2	1	BB		12113029
44.	12113008	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại	3	2	1	BB		12113029
<b>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)</b>			<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>			
45.	12113017	Pháp luật chứng khoán	3	2	1	TC		
46.	12113035	Pháp luật về thương mại điện tử	3	2	1	TC		
47.	12113030	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	2	1	TC		
48.	12113037	Pháp luật về xuất nhập khẩu	3	2	1	TC		
<b>2.3.1. Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành Luật Thương Mại quốc tế (18 TC)</b>			<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>12</b>	<b>8</b>	<b>4</b>			
49.	12113043	Tổng quan về pháp luật thương mại quốc tế	3	2	1	BB		12113031
50.	12113050	Luật Đầu tư quốc tế	3	2	1	BB		
51.	12113035	Pháp luật về thương mại điện tử	3	2	1	BB		
52.	12113009	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế	3	2	1	BB		12113029
<b>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)</b>			<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>			
53.	12113051	Pháp luật cộng đồng ASEAN	3	2	1	TC		
54.	12113017	Luật chứng khoán	3	2	1	TC		
55.	12113030	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	2	1	TC		
56.	12113037	Pháp luật về xuất nhập khẩu	3	2	1	TC		
<b>2.4. Học kỳ doanh nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>BB</b>		
57.	12114002	Học kỳ doanh nghiệp 2	4		4	BB		



TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
<b>Học phần tự chọn: chọn Khoá luận tốt nghiệp hoặc 02 Môn học thay thế</b>			<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>			
58.	12116001	Khóa luận tốt nghiệp	6	4	2	BB		
59.	12113011	Kỹ năng tư vấn pháp luật	3	2	1	TC		
60.	12113033	Pháp luật Luật sư, công chứng và thừa phát lại	3	2	1	TC		
<b>Tổng cộng</b>			<b>120</b>	<b>83</b>	<b>37</b>			

*Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và chuẩn đầu ra Tin học, Ngoại ngữ.*

**V. Ma trận thể hiện sự đóng góp các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		Kiến thức			Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm				
		PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12
1.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x								x	x	x
2.	Kinh tế chính trị Mác Lênin	x	x								x	x	x
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x								x	x	x
4.	Triết học Mác Lênin	x	x								x	x	x
5.	Lịch sử Đảng CSVN	x	x								x	x	x
6.	Lý luận NN và PL			x			x	x	x				
7.	Giáo dục thể chất	x									x	x	x
8.	Giáo dục quốc phòng-an ninh	x									x	x	x
9.	Tiếng Anh 1	x				x	x	x					
10.	Tiếng Anh 2	x				x	x	x					
11.	Tiếng Anh 3	x				x	x	x					
12.	Tiếng Anh 4	x				x	x	x					
13.	Tiếng Anh 5	x				x	x	x					
14.	Khoa học máy tính và chuyên đổi số	x				x							

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		Kiến thức			Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm				
		PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12
15.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x					x	x					
16.	Kỹ năng mềm	x					x	x	x		x	x	x
17.	Xã hội học	x					x	x	x				
18.	Tâm lý học đại cương	x					x	x	x				
19.	Luật học so sánh	x	x				x	x	x		x	x	x
20.	Pháp luật tổ chức nhà nước	x	x	x			x	x	x		x	x	x
21.	Pháp luật về quản lý hành chính nhà nước	x	x	x			x	x	x		x	x	x
22.	Pháp luật Quốc tế (Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế)	x	x	x			x	x	x		x	x	x
23.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	x	x	x			x	x	x		x	x	x
24.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	x				x	x	x		x	x	x
25.	Học kỹ doanh nghiệp 1 (trải nghiệm thực tế và thực hành môn học)	x	x				x	x	x		x	x	x
26.	Xây dựng văn bản pháp luật	x		x		x	x	x	x		x	x	x
27.	Đạo đức nghề Luật	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x
28.	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x
29.	Hướng nghiệp nghề Luật	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x
30.	Pháp luật dân sự 1	x	x	x			x	x	x		x	x	x
31.	Pháp luật dân sự 2	x	x	x			x	x	x		x	x	x
32.	Luật Hình sự	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
33.	Tư pháp tụng	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
34.	Công pháp tụng	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
35.	Kỹ năng tư vấn thủ	x	x	x			x	x	x		x	x	x

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		Kiến thức			Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm				
		PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12
	tục thành lập và quản trị doanh nghiệp												
36.	Anh văn chuyên ngành Luật	x	x			x	x	x	x		x	x	x
37.	Luật lao động	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
38.	Luật Đất đai trong hoạt động kinh doanh	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
39.	Luật an toàn thông tin mạng	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
40.	Luật Tài chính	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
41.	Luật Kinh doanh bảo hiểm	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
42.	Luật Cạnh tranh	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
43.	Luật Đầu tư	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
44.	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
45.	Tổng quan về pháp luật thương mại quốc tế	x	x	x			x	x	x		x	x	x
46.	Luật Đầu tư quốc tế	x	x	x			x	x	x		x	x	x
47.	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
48.	Pháp luật cộng đồng ASEAN		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
49.	Luật chứng khoán		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
50.	Pháp luật kinh doanh bất động sản		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
51.	Pháp luật về xuất nhập khẩu		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
52.	Học kỳ doanh nghiệp 2	x	x	x			x	x	x		x	x	x
53.	Đồ án tốt nghiệp hoặc Khóa luận tốt	x	x	x			x	x	x		x	x	x



TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo												
		Kiến thức			Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm					
		PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12	
	nghiệp													
54.	Kỹ năng tư vấn pháp luật	x	x	x				x	x	x		x	x	x
55.	Pháp luật Luật sư, công chứng và thừa phát lại	x	x	x				x	x	x		x	x	x

## VI. Phương thức giảng dạy và học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành Luật nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Bên cạnh việc trang bị lý thuyết, CTĐT sẽ tăng cường khả năng thực hành cho SV bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: tham quan trải nghiệm thực tế, mời chuyên gia có uy tín, có bề dày kinh nghiệm thực tiễn đến trường để báo cáo chuyên đề thực tế cho sinh viên.

Phương pháp giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Phương pháp giảng dạy và học tập gồm 8 nhóm lớn: dạy học trực tiếp; dạy học online; dạy dựa vào hoạt động trải nghiệm; dạy dựa vào nghệ thuật; dạy dựa vào kỹ năng tư duy; dạy học tương tác; dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy, dạy học dựa vào công nghệ và tự học.

Các Phương pháp giảng dạy và học tập được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

### 6.1. Phương pháp dạy học trực tiếp

Phương pháp dạy học trực tiếp là Phương pháp dạy học trong đó có các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Phương pháp này thường được áp dụng với các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho những người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo Phương pháp này được chương trình đào tạo ngành Luật áp dụng các phương pháp như:

+ Giải thích cụ thể: Giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp người học đạt được mục tiêu dạy học, kiến thức và kỹ năng.

+ Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

+ Tham luận: Người học được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về ngành, chuyên ngành đào tạo.

+ Câu hỏi gợi mở: Giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề đặt ra.

## **6.2. Phương pháp dạy học dựa vào hoạt động trải nghiệm**

Phương pháp dạy học dựa vào hoạt động trải nghiệm là khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này, thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo Phương pháp này được chương trình Luật áp dụng gồm:

+ Trò chơi: Giảng viên tổ chức cho người học tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó với một bộ quy tắc rõ ràng. Thông qua trò chơi, người học tiếp cận kiến thức một cách cạnh tranh và hợp tác với những người học cùng, giúp người học nhận ra quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đối với bản thân và của những bạn học cùng tham gia trò chơi.

+ Thực tập, thực tế: Giảng viên tạo điều kiện cho người học áp dụng lý thuyết, các kiến thức đã học vào thực tiễn và hoạt động rèn luyện kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc tham quan, kiến tập, thực tập... tại các văn phòng luật sư, công ty Luật, cơ quan Tòa án, viện kiểm sát, văn phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại, doanh nghiệp hoặc các cơ sở thực tế khác. Qua đó, người học củng cố được kiến thức và rèn luyện kỹ năng, thái độ của người học trong suốt quá trình đào tạo.

+ Tranh luận: Giảng viên tổ chức cho người học thảo luận và tranh cãi về một vấn đề mà có ít nhất là hai quan điểm trái ngược nhau. Người học ở 1 nhóm chung quan điểm cùng nhau thảo luận, phân tích để biện hộ cho ý kiến của nhóm mình, hoặc dùng tư duy phản biện phân tích vấn đề và trả lời câu hỏi, đối đáp với nhóm đối lập.

+ Thảo luận: Giảng viên nêu ra các vấn đề học tập, tổ chức đối thoại, trao đổi ý kiến giữa giảng viên và người học, đề nghị và cho phép người học bày tỏ những kinh nghiệm



của mình, chia sẻ ý tưởng với nhau, cùng nhau tìm lời giải đáp. Thông qua thảo luận, người học rèn luyện tinh thần hợp tác, phát triển được khả năng lắng nghe, hiểu, tổng hợp và phân tích; từ đó, khám phá sự đa dạng của vấn đề, nhận thức về sự tồn tại của các cách nhìn nhận khác nhau trong kỷ nguyên của khám phá tri thức.

### **6.3. Phương pháp dạy dựa vào nghệ thuật**

Phương pháp dạy dựa vào nghệ thuật là việc áp dụng nghệ thuật vào việc dạy học, kích thích trí tưởng tượng, sự sáng tạo của người học, đồng thời phát triển cảm xúc, các kỹ năng cần thiết khi hành nghề Luật hoặc hoạt động trong ngành Luật như kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, suy nghĩ phê phán và tư duy phản biện.

+ **Đóng vai:** Giảng viên tổ chức cho người học thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Người học được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường học đường trước khi thực hành trong thực tiễn; gây hứng thú và chú ý cho người học; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của người học, kích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của người học theo chuẩn mực hành vi đạo đức cá nhân và đạo đức nghề Luật. Phương pháp này có thể giúp đạt được chuẩn đầu ra theo tiêu chuẩn CDIO như: Tư duy suy xét, phản biện (critical thinking); nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân.

### **6.4. Phương pháp dạy kỹ năng tư duy**

Phương pháp dạy kỹ năng tư duy là việc dạy cho người học cách thức suy nghĩ, lập luận, phân tích một cách logic của người hành nghề Luật (hay bất kỳ những người nào làm việc trong ngành Luật) để tìm ra giải pháp hiệu quả cho một vấn đề pháp lý cụ thể.

+ **Giải quyết vấn đề:** cung cấp cho người học kỹ năng tư duy xác định chính xác vấn đề và định hướng giải quyết vấn đề theo đúng yêu cầu cần thiết cho vấn đề pháp lý cụ thể; người học vừa nắm được tri thức, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội tri thức, phát triển tư duy tích cực, tích lũy được năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện kịp thời và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

+ **Hoạt động tư duy tìm ý tưởng:** hướng dẫn người học trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó, liên tục đặt ra những câu hỏi để làm rõ vấn đề pháp lý đặt ra và có được giải pháp giải quyết vấn đề.

### **6.5. Phương pháp dạy học tương tác**

Phương pháp dạy học tương tác là chiến lược dạy học hướng vào người học, giảng viên chỉ là người tổ chức môi trường học tập và hỗ trợ, tư vấn cho người học; trong quá



trình dạy học, diễn ra các hoạt động tương tác đa dạng được tổ chức phù hợp, đòi hỏi tích cực và tự lực cao của người học.

+ Học nhóm: Giảng viên chia người học của một lớp học thành các nhóm nhỏ, trong một khoảng thời gian nhất định, mỗi nhóm tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc nhóm. Kết quả làm việc của nhóm sẽ được trình bày và đánh giá trước toàn lớp. Phương pháp học nhóm giúp người học phát huy được tính tích cực, nâng cao tính trách nhiệm, phát triển kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp của người học.

#### **6.6. Phương pháp giảng dạy theo hướng nghiên cứu – Giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy theo hướng nghiên cứu – giảng dạy khuyến khích người học xác định vấn đề, đặt ra các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết vấn đề một cách có hiệu quả hoặc đưa ra kết luận dựa trên những bằng chứng thu thập được qua hoạt động nghiên cứu. Các phương pháp giảng dạy theo hướng nghiên cứu – giảng dạy được chương trình Luật áp dụng thường gồm:

+ Nghiên cứu độc lập: giảng viên hướng dẫn người học phát triển khả năng lập kế hoạch, tổ chức, nghiên cứu chủ đề một cách độc lập. Từ đó, phát triển mức độ tư duy và tăng cường động lực học tích cực của người học.

+ Dự án nghiên cứu: người học nghiên cứu một vấn đề, một chủ đề nào đó và viết báo cáo, viết kết luận.

+ Trợ giảng và hỗ trợ học thuật: người học tham gia hỗ trợ giảng viên trong các buổi học; hoặc tham gia các câu lạc bộ học thuật, các diễn đàn học thuật, các sân chơi pháp lý do Khoa và Trường tổ chức.

#### **6.7. Phương pháp dạy học dựa vào công nghệ**

Phương pháp dạy học dựa vào công nghệ là chiến lược sử dụng công nghệ hiện đại vào môi trường học tập, giúp cho quá trình giảng dạy sinh động, hiệu quả và tích cực hơn.

+ E-learning: là phương pháp giảng viên và người học dạy sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ cho quá trình giảng dạy và học tập.

#### **6.8. Phương pháp tự học:**

Người học tiếp nhận và lưu giữ thông tin từ giảng viên và tự mình nghiên cứu, suy nghĩ sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp...), chuyển hóa thành sản phẩm trí tuệ của bản thân. Hoạt động tự học tạo điều kiện cho người học hiểu sâu tri thức, mở rộng kiến thức, củng cố ghi nhớ vững chắc tri thức, biết vận dụng tri thức

vào giải quyết các nhiệm vụ học tập.

+ Bài tập ở Nhà Giảng viên đưa, giao cho người học các bài tập, nhiệm vụ đa dạng để người học làm việc ở nhà. Thông qua việc giải quyết nhiệm vụ đặt ra, người học tăng cường được năng lực tự học, tích lũy nhiều kiến thức, rèn luyện và phát triển được kỹ năng như yêu cầu của giảng viên.

#### **6.9. Phương pháp dạy học theo trường hợp điển hình (case study):**

Giảng viên đưa ra các tình huống ngành Luật, các sự kiện, vụ việc thực tế có tính điển hình để sinh viên phân tích, tìm hiểu nguyên nhân, kết quả và phương thức giải quyết... từ đó rút ra các kết luận, những tri thức có ích.

### **VII. Phương pháp đánh giá người học**

Các phương pháp đánh giá đảm bảo đánh giá khách quan, khoa học, đúng thực chất kết quả học tập của người học thông qua các hình thức: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tự học, bài tập nhóm, đánh giá thực hành và đánh giá cuối kỳ bằng nhiều hình thức: tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận môn học, thực hành.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Luật được chia làm 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần

#### **7.1. Đánh giá theo tiến trình**

Đánh giá theo tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể gồm: đánh giá chuyên cần; đánh giá bài tập; làm việc nhóm và thuyết trình

+ Đánh giá chuyên cần: Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên lớp, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp.

+ Đánh giá bài tập: Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này được thực hiện bởi một



cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định nhưng không chiếm quá 10% tỷ trọng đánh giá quá trình.

+ Làm việc nhóm: Người học làm các bài tập thực hành nhóm hoặc làm báo cáo nhóm theo các chủ đề do giảng viên phân công hoặc chủ đề người học tự chọn có sự đồng ý của giảng viên dựa trên nội dung trong chương trình học. Hình thức đánh giá được quy định theo đặc trưng từng môn học và không chiếm quá 10% tỷ trọng đánh giá quá trình.

+ Đánh giá thuyết trình: Trong một số môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp; thương lượng; thuyết trình; làm việc nhóm.

+ Kiểm tra vấn đáp: Đối với các học phần ngoại ngữ liên quan đến kỹ năng nói, người học thực hiện bài kiểm tra vấn đáp với các giảng viên dựa trên các chủ đề đã được học trong học phần.

+ Kiểm tra thực hành.

## **7.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ)**

Mục tiêu của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm: đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ. Các phương pháp đánh giá được sử dụng của loại này bao gồm:

+ Kiểm tra viết: theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

+ Kiểm tra trắc nghiệm: Phương pháp này cũng tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn.

+ Thuyết trình: Phương pháp này cũng tương tự như phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình.

+ Thực hành: Đánh giá khả năng thực hành kỹ năng chuyên môn.

+ Báo cáo thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp: Báo cáo thực tập tốt nghiệp, đồ án hay



khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**



*[Handwritten signature]*  
**TS NGUYỄN VĂN HIẾN**

*[Handwritten signature]*

*TS. Nguyễn Chí Lệ Mỹ*